

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN
ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

1.000.000

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát

3. Báo cáo của chính quyền địa phương

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về tài chính kết thúc vào

do Tổng giám đốc Công ty

đã cùng với Ban

của Công ty đã

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|-------------|
| 1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc | [2] - [4] |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | [5] - [6] |
| 3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán | |
| - Bảng cân đối kế toán riêng | [7] - [8] |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | [9] |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | [10] - [11] |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng | [12] - [42] |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Mai Anh Tám | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Sơn | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên |
| - Ông Đỗ Trần Mai | Thành Viên |
| - Bà An Hà My | Thành Viên |

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Sơn | Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Tuấn Kinh | Phó Tổng giám đốc |

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên :</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|------------------------|----------------------|
| - Bà Bùi Thị Thanh Nam | Trưởng ban Kiểm soát |
| - Ông Hoàng Trung Kiên | Thành viên |
| - Bà Lê Thị Thoa | Thành viên |

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có công ty con như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|------------------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---------------------------------|---|
| Nhà máy Sơn miền Bắc | 59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng | KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng |

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Sơn

Số: 65 /2018/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á được lập ngày 10 tháng 04 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2018-242-1

Trần Thị Yến Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0926-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Cuối năm | Đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 148.885.563.616 | 113.412.071.271 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 70.301.263.112 | 57.688.079.823 |
| 1. Tiền | 111 | 5.1 | 70.301.263.112 | 57.688.079.823 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 47.703.332.168 | 34.117.574.502 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 24.095.783.247 | 19.081.242.736 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 3.831.898.500 | 4.237.755.454 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.4 | 2.583.720.887 | 2.608.157.887 |
| 4. Các khoản phải thu khác | 136 | 5.5 | 18.020.515.535 | 8.782.265.569 |
| 5. Dự phòng phải thu khó đòi (*) | 137 | | (828.586.001) | (591.847.144) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 5.6 | 28.772.967.903 | 19.296.613.435 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 28.772.967.903 | 19.296.613.435 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.108.000.433 | 2.309.803.511 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.7 | 2.101.675.692 | 2.233.289.269 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 67.490.305 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.16 | 6.324.741 | 9.023.937 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 77.993.552.671 | 90.281.577.270 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 163.200.000 | 10.068.200.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5 | 163.200.000 | 10.068.200.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 26.104.078.059 | 20.688.259.646 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.11 | 22.764.695.377 | 19.198.366.834 |
| - Nguyên giá | 222 | | 44.792.502.434 | 37.816.911.232 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (22.027.807.057) | (18.618.544.398) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 5.12 | 3.310.564.082 | 1.453.031.812 |
| - Nguyên giá | 225 | | 4.097.870.909 | 1.712.487.273 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (787.306.827) | (259.455.461) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.13 | 28.818.600 | 36.861.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 40.212.000 | 40.212.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (11.393.400) | (3.351.000) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 286.595.466 | 266.615.778 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.8 | 286.595.466 | 266.615.778 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.10 | 45.000.000.000 | 52.300.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 45.000.000.000 | 43.300.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | 9.000.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.439.679.146 | 6.958.501.846 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.7 | 6.439.679.146 | 6.958.501.846 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 226.879.116.287 | 203.693.648.541 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG A

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Cuối năm | Đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 87.094.392.018 | 62.295.429.560 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 85.767.581.898 | 60.915.064.000 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.14 | 20.861.177.637 | 21.800.087.255 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.15 | 1.674.096.420 | 1.669.167.050 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.16 | 5.638.255.836 | 5.290.994.556 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2.040.821.807 | 2.416.973.871 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.18 | 500.000.000 | 490.000.000 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 18.616.396.744 | 1.028.515.564 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.19 | 34.858.128.416 | 27.049.518.923 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.578.705.038 | 1.169.806.781 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.326.810.120 | 1.380.365.560 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.17 | 220.430.120 | 117.350.000 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.19 | 1.106.380.000 | 1.263.015.560 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 5.20 | 139.784.724.269 | 141.398.218.981 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 139.784.724.269 | 141.398.218.981 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 115.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 115.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 41.545.455 | 41.545.455 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 12.099.319.177 | 10.899.319.177 |
| 4. Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | | 12.643.859.637 | 15.457.354.349 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 12.643.859.637 | 15.457.354.349 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 226.879.116.287 | 203.693.648.541 |

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 154.220.192.418 | 171.157.012.380 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.2 | 111.645.395 | 6.928.092.648 |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 154.108.547.023 | 164.228.919.732 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.3 | 95.968.261.470 | 97.790.313.122 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 58.140.285.553 | 66.438.606.610 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.4 | 19.428.918 | 146.105.316 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.5 | 2.025.788.185 | 2.162.273.929 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2.025.281.935 | 2.162.273.929 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 6.8 | 29.950.380.146 | 34.401.685.619 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.8 | 9.668.881.230 | 10.618.853.961 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 16.514.664.910 | 19.401.898.417 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 495.843.514 | 630.271.718 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.7 | - | 9.297.364 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 495.843.514 | 620.974.354 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 17.010.508.424 | 20.022.872.771 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.10 | 3.435.766.336 | 4.532.702.157 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.11 | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 13.574.742.088 | 15.490.170.614 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | 1.180 | 1.347 |

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 17.010.508.424 | 20.022.872.771 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 4.621.114.348 | 4.527.036.390 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 236.738.857 | 591.847.144 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (80.338.008) | (146.105.316) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 2.025.281.935 | 2.162.273.929 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 23.813.305.556 | 27.157.924.918 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (3.543.733.806) | 4.056.579.704 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (9.476.354.468) | 4.741.014.797 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 3.047.604.173 | (7.043.970.977) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 650.436.277 | 309.133.228 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (2.025.281.935) | (2.155.093.407) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (5.380.319.306) | (4.380.915.916) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | 930.882.251 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 8.016.538.742 | 22.684.672.347 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (7.671.528.814) | (13.144.566.918) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 60.909.090 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (150.799.705) | (2.608.157.887) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 175.236.705 | 4.141.305.991 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (1.700.000.000) | (25.790.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 9.000.000.000 | 37.000.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 19.428.918 | 116.250.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (266.753.806) | (285.168.814) |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 76.920.196.809 | 78.025.136.325 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (70.477.422.876) | (79.017.299.447) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | (1.403.420.000) | (530.100.000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (175.955.580) | (9.791.583.389) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 4.863.398.353 | (11.313.846.511) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 12.613.183.289 | 11.085.657.022 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 57.688.079.823 | 46.602.422.801 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 70.301.263.112 | 57.688.079.823 |

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Thái

Hoàng Văn Tuấn

Nguyễn Văn Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có công ty con: Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 cấp ngày 07/03/2016 là 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn ./.)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

| <u>Tên</u> | <u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u> | <u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u> |
|------------------------------------|-------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | 90% | 90% |

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---------------------------------|---|
| Nhà máy Sơn miền Bắc | 59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng | KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng |

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 - 20 năm |
| Máy móc thiết bị | 06 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

4.5.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm

05 năm

4.5.3. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.7.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 7.192.461.387 | 4.753.001.339 |
| Tiền gửi ngân hàng | 61.779.232.332 | 52.935.078.484 |
| Tiền đang chuyển | 1.329.569.393 | - |
| Cộng | 70.301.263.112 | 57.688.079.823 |

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| a) Phải thu khách hàng ngắn hạn | 24.095.783.247 | 19.081.242.736 |
| - Công ty CPĐTXD và Kỹ thuật Vinaconex | 2.798.946.417 | - |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 21.296.836.830 | 19.081.242.736 |
| b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | | |

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|---------------|---------------|
| a) Trả trước cho người bán ngắn hạn | 3.831.898.500 | 4.237.755.454 |
| - Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera | 750.000.000 | 750.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam | 436.004.700 | 1.000.000.000 |
| - Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 2.645.893.800 | 2.487.755.454 |
| b) Trả trước cho người bán dài hạn | | |
| c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan | | |

5.4 PHẢI THU VỀ CHO

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|----------------------------|---------------|----------|---------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| VAY | | | | |
| a) Ngắn hạn | 2.583.720.887 | - | 2.608.157.887 | - |
| Phải thu về cho vay | 2.583.720.887 | - | 2.608.157.887 | - |
| - Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | - | - | 350.000.000 | - |
| - Ông Vũ Văn Luân | - | - | 400.000.000 | - |
| - Bà Vũ Thị Tuyết | - | - | 500.000.000 | - |
| - Bà Nguyễn Thị Phương (1) | 250.000.000 | - | - | - |
| - Bà Nguyễn Văn Anh (2) | 100.000.000 | - | - | - |
| - Bà Nguyễn Thị Thêm (3) | 300.000.000 | - | - | - |
| - Ông Nguyễn Trung Nam (4) | 250.000.000 | - | - | - |
| - Các đối tượng khác | 1.683.720.887 | - | 1.358.157.887 | - |

(1) Theo hợp đồng vay vốn số 05/2017/HĐVV-HSDA ngày 30/11/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Thị Phương số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

(2) Theo hợp đồng vay vốn số 06/2017/HĐVV-HSDA ngày 25/12/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Văn Anh số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

(3) Theo hợp đồng vay vốn số 03/2017/HĐVV-HSDA ngày 25/05/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Thị Thêm số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

(4) Theo hợp đồng vay vốn số 04/2017/HĐVV-HSDA ngày 15/06/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và ông Nguyễn Trung Nam số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

5.5 . PHẢI THU KHÁC

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 18.020.515.535 | | 8.782.265.569 | |
| - Tạm ứng | 4.629.279.740 | | 3.369.695.289 | |
| - Phải thu khác | 13.391.235.795 | | 5.412.570.280 | |
| b) Dài hạn | 163.200.000 | | 10.068.200.000 | |
| - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược | 163.200.000 | | 68.200.000 | |
| - Phải thu khác | - | | 10.000.000.000 | |
| c) Phải thu khác là các bên liên quan | | | | |

5.6 . HÀNG TỒN KHO

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu | 15.031.535.838 | - | 9.190.602.604 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 259.259.552 | - | 377.096.390 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 7.866.049.684 | - | 3.095.469.754 | - |
| Thành phẩm nhập kho | 4.686.217.095 | - | 4.239.747.534 | - |
| Hàng hóa | 875.457.012 | - | 2.339.248.431 | - |
| Hàng gửi bán | 54.448.722 | - | 54.448.722 | - |
| Cộng | 28.772.967.903 | - | 19.296.613.435 | - |

5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | 2.101.675.692 | 2.233.289.269 |
| - Chi phí quảng cáo | 69.057.917 | 320.463.494 |
| - Chi phí đồng phục | - | 185.114.000 |
| - Các khoản khác | 2.032.617.775 | 1.727.711.775 |
| b) Dài hạn | 6.439.679.146 | 6.958.501.846 |
| - Chi phí quảng cáo | 5.829.489.068 | 5.622.690.933 |
| - Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa | - | 86.619.212 |
| - Chi phí dài hạn khác | 610.190.078 | 1.249.191.701 |
| Cộng | 8.541.354.838 | 9.191.791.115 |

5.8 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

- Mua sắm TSCĐ

Cộng

| | Cuối năm | Đầu năm |
|-------------|--------------------|--------------------|
| | 286.595.466 | 266.615.778 |
| Cộng | 286.595.466 | 266.615.778 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.9 . NỢ XẤU

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị : VND

| | Cuối năm | | Đầu năm | | Dự phòng | Dự phòng |
|--|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | | |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn Công ty Cổ phần Á Châu G8 Các công ty khác | 192.880.615 | 57.864.184 | 135.016.431 | 192.880.615 | 96.440.307 | 96.440.308 |
| | 990.813.672 | 297.244.102 | 693.569.570 | 990.813.672 | 495.406.836 | 495.406.836 |
| | 1.183.694.287 | 355.108.286 | 828.586.001 | 1.183.694.287 | 591.847.143 | 591.847.144 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

- a) Chứng khoán kinh doanh
- b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Cuối năm | | Đầu năm | |
|---|----------------|----------|-----------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 45.000.000.000 | | 5 2.300.000.000 | (*) |
| - Đầu tư vào Công ty con | 45.000.000.000 | | 4 3.300.000.000 | (*) |
| + Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG - tỷ lệ sở hữu 90% | 45.000.000.000 | | 4 3.300.000.000 | (*) |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | - | | - | |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | | 9.000.000.000 | (*) |
| Công ty Cổ phần Gold Star Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 18% | - | | 9.000.000.000 | (*) |

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG tiền thân là Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sơn.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với công ty con chủ yếu là mua bán tài sản, vỏ thùng sơn.

(*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.iv - Giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN**5.11 . TÁNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------|---------------------|--------------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 11.973.103.252 | 17.706.518.058 | 8.035.726.285 | 101.563.637 | 37.816.911.232 |
| Tăng trong năm | | 7.497.003.670 | 154.545.455 | | 7.651.549.125 |
| - Mua trong năm | | 7.497.003.670 | 154.545.455 | | 7.651.549.125 |
| Giảm trong năm | | | (675.957.923) | | (675.957.923) |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | | | | | |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | (675.957.923) | | (675.957.923) |
| - Giảm khác | | | | | |
| Số dư cuối năm | 11.973.103.252 | 25.203.521.728 | 7.514.313.817 | 101.563.637 | 44.792.502.434 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.887.398.231 | 9.870.034.317 | 5.759.548.213 | 101.563.637 | 18.618.544.398 |
| Tăng trong năm | 458.443.421 | 2.718.448.303 | 908.328.858 | | 4.085.220.582 |
| - Số khấu hao trong năm | 458.443.421 | 2.718.448.303 | 908.328.858 | | 4.085.220.582 |
| - Tăng khác | | | | | |
| Giảm trong năm | | | (675.957.923) | | (675.957.923) |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | | | | | |
| - Thanh lý, nhượng bán | | | (675.957.923) | | (675.957.923) |
| - Giảm khác | | | | | |
| Số dư cuối năm | 3.345.841.652 | 12.588.482.620 | 5.991.919.148 | 101.563.637 | 22.027.807.057 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 9.085.705.021 | 7.836.483.741 | 2.276.178.072 | | 19.198.366.834 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 8.627.261.600 | 12.615.039.108 | 1.522.394.669 | | 22.764.695.377 |

• Nguyên giá cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.526.335.071 VND

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.714.420.746 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Cộng |
|-----------------------------------|--------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------------|---------------|
| I. Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | | | 1.712.487.273 | | 1.712.487.273 |
| Tăng trong năm | | | 2.385.383.636 | | 2.385.383.636 |
| - <i>Thuê tài chính trong năm</i> | | | 2.385.383.636 | | 2.385.383.636 |
| Giảm trong năm | | | | | |
| - <i>Giảm khác</i> | | | | | |
| Số dư cuối năm | | | 4.097.870.909 | | 4.097.870.909 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | | | 259.455.461 | | 259.455.461 |
| Tăng trong năm | | | 527.851.366 | | 527.851.366 |
| - <i>Số khấu hao trong năm</i> | | | 527.851.366 | | 527.851.366 |
| - <i>Tăng khác</i> | | | | | |
| Giảm trong năm | | | | | |
| - <i>Giảm khác</i> | | | | | |
| Số dư cuối năm | | | 787.306.827 | | 787.306.827 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | | | 1.453.031.812 | | 1.453.031.812 |
| 2. Tại ngày cuối năm | | | 3.310.564.082 | | 3.310.564.082 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

5.13 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Quyền phát hành | Nhãn hiệu hàng hoá | Phần mềm kế toán, thiết kế | TSCĐ khác | Tổng cộng |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|-----------|------------|
| I. Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | - | - | - | 40.212.000 | - | 40.212.000 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | - | - |
| - Mua trong năm | - | - | - | - | - | - |
| - Tặng khác | - | - | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | - | - | - | 40.212.000 | - | 40.212.000 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | - | - | - | 3.351.000 | - | 3.351.000 |
| Tăng trong năm | - | - | - | 8.042.400 | - | 8.042.400 |
| - Số khấu hao trong năm | - | - | - | 8.042.400 | - | 8.042.400 |
| - Tặng khác | - | - | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - | - |
| - Chuyển sang BĐSĐT | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | - | - | - | 11.393.400 | - | 11.393.400 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | - | - | - | 36.861.000 | - | 36.861.000 |
| 2. Tại ngày cuối năm | - | - | - | 28.818.600 | - | 28.818.600 |

• Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

• Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

| 5.14 | PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN | Cuối năm | | Đầu năm | |
|------|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 20.861.177.637 | 20.861.177.637 | 21.800.087.255 | 21.800.087.255 |
| | - Công ty TNHH Connell Bross | 6.047.792.605 | 6.047.792.605 | 6.555.986.652 | 6.555.986.652 |
| | - Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD | 1.067.000.000 | 1.067.000.000 | 2.178.550.000 | 2.178.550.000 |
| | - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Sơn | 2.056.309.175 | 2.056.309.175 | 2.285.726.166 | 2.285.726.166 |
| | - Phải trả cho các đối tượng khác | 11.690.075.857 | 11.690.075.857 | 10.779.824.437 | 10.779.824.437 |
| | b) Các khoản phải trả người bán dài hạn | | | | |
| | c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán | 123.699.621 | 123.699.621 | 553.335.827 | 553.335.827 |
| | - Công ty Quảng cáo Maxsum | - | - | 80.595.191 | 80.595.191 |
| | - Công ty TNHH Lê Gia Việt Nam | - | - | 87.165.306 | 87.165.306 |
| | - Chi nhánh Công ty CP Đồng Tiến tại Hà Nội | - | - | 106.667.323 | 106.667.323 |
| | - Công ty TNHH Thương mại Quảng Ngà | 27.629.620 | 27.629.620 | - | - |
| | - Công ty CP Chứng khoán Thủ Đô | 20.000.000 | 20.000.000 | - | - |
| | - Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát | 38.000.000 | 38.000.000 | - | - |
| | - Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến | 38.070.001 | 38.070.001 | - | - |
| | - Các đối tượng khác | - | - | 278.908.007 | 278.908.007 |
| | b) Phải trả người bán là các bên liên quan | 238.186.063 | 238.186.063 | 178.671.097 | 178.671.097 |
| | - Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | 238.186.063 | 238.186.063 | 178.671.097 | 178.671.097 |
| 5.15 | NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC | Cuối năm | | Đầu năm | |
| | | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 1.674.096.420 | 1.674.096.420 | 1.669.167.050 | 1.669.167.050 |
| | - Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn | 244.349.914 | 244.349.914 | 346.862.055 | 346.862.055 |
| | - Công ty TNHH Thái Hòa | - | - | 238.837.528 | 238.837.528 |
| | - Đối tượng khác | 1.429.746.506 | 1.429.746.506 | 1.083.467.467 | 1.083.467.467 |
| | b) Người mua trả tiền trước dài hạn | | | | |
| | c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan | | | | |
| | - Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | 52.647.935 | 52.647.935 | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

5.16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Cuối năm |
|--------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| a) Phải nộp | 5.290.994.556 | 7.603.089.391 | 7.255.828.111 | 5.638.255.836 |
| - Thuế GTGT | 796.645.490 | 3.883.884.700 | 1.597.949.139 | 3.082.581.051 |
| - Thuế TNDN | 4.321.732.249 | 3.435.766.336 | 5.380.319.306 | 2.377.179.279 |
| - Thuế TNCN | 172.616.817 | 283.438.355 | 277.559.666 | 178.495.506 |

| | Đầu năm | Số phải thu trong năm | Số đã thu trong năm | Cuối năm |
|-------------------------|-----------|-----------------------|---------------------|-----------|
| b) Phải thu | | | | |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 9.023.937 | 13.383.046 | 16.082.242 | 6.324.741 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.17 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | Cuối năm | Đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | 18.616.396.744 | 1.028.515.564 |
| - Kinh phí công đoàn | 40.260.849 | 225.788.657 |
| - Bảo hiểm xã hội | 212.277.413 | 397.872.227 |
| - Bảo hiểm y tế | - | 19.423.013 |
| - Phải trả, phải nộp khác | 18.250.980.599 | 385.431.667 |
| - Phải thu khác | 35.277.118 | - |
| - Tạm ứng | 77.600.765 | - |
| b) Dài hạn | 220.430.120 | 117.350.000 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 220.430.120 | - |
| - Phải trả, phải nộp khác | - | 117.350.000 |
| c) Phải trả khác là các bên liên quan | 3.900.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | 3.900.000.000 | - |

5.18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| a) Ngắn hạn | 500.000.000 | 490.000.000 |
| - Trích trước chi phí kiểm toán | 80.000.000 | 70.000.000 |
| - Chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu | 420.000.000 | 420.000.000 |
| b) Dài hạn | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

| | Cuối năm | | Trong năm | | Đầu năm | |
|--|----------------|-----------------------|----------------|----------------|----------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1) | 33.674.848.416 | 33.674.848.416 | 76.949.085.705 | 70.323.756.212 | 27.049.518.923 | 27.049.518.923 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2) | 15.085.181.485 | 15.085.181.485 | 28.391.310.731 | 23.415.178.177 | 10.109.048.931 | 10.109.048.931 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Hà Nội (3) | 3.564.463.157 | 3.564.463.157 | 7.445.319.207 | 7.550.524.037 | 3.669.667.987 | 3.669.667.987 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (4) | 14.996.314.878 | 14.996.314.878 | 41.083.566.871 | 39.358.053.998 | 13.270.802.005 | 13.270.802.005 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung | 28.888.896 | 28.888.896 | 28.888.896 | | | |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung | - | - | - | 182.555.560 | 182.555.560 | 182.555.560 |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hoàn Kiếm | - | - | - | 115.555.560 | 115.555.560 | 115.555.560 |
| Cộng | - | - | - | 67.000.000 | 67.000.000 | 67.000.000 |
| c) Các khoản nợ thuế tài chính | | | | | | |
| | 33.674.848.416 | 33.674.848.416 | 76.949.085.705 | 70.439.311.772 | 27.232.074.483 | 27.232.074.483 |

| | 31/12/2017 | | 31/12/2016 | |
|--|---|-----------------------------|---|-----------------------------|
| | Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính | Trả tiền lãi thuế tài chính | Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính | Trả tiền lãi thuế tài chính |
| Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam (5) | 2.511.060.957 | 221.400.957 | 2.289.660.000 | 1.192.055.195 |
| Từ 1 năm trở xuống | 1.334.268.213 | 150.988.213 | 1.183.280.000 | 582.636.725 |
| Từ 1 năm đến 5 năm | 1.176.792.744 | 70.412.744 | 1.106.380.000 | 34.158.470 |
| Cộng | 2.511.060.957 | 221.400.957 | 2.289.660.000 | 1.192.055.195 |
| | | | | 111.595.195 |
| | | | | 1.080.460.000 |
| | | | | 505.200.000 |
| | | | | 575.260.000 |
| | | | | 1.080.460.000 |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/4729252/HĐTD ngày 18 tháng 08 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, tổng hạn mức 27 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục hợp đồng ký ngày 05/04/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 274/2017-HĐCVHM/NHCT131-SDA ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,8%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả, bột chét tường.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4729252/HĐTD ngày 21 tháng 04 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, hạn mức tín dụng 260 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất quy định trong thời điểm cụ thể, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.
- (5) Nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam:
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.002/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 790.000.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.027/2017/TSC-CTTC ngày 05 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 644.480.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.033/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 484.560.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 02.062/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 677.280.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5.20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 115.000.000.000 | 41.545.455 | - | 8.899.319.149 | - | 12.204.753.344 | 136.145.617.948 |
| Tăng vốn năm trước | - | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | 15.490.170.614 | 15.490.170.614 |
| Tăng khác | - | - | - | 2.000.000.028 | - | - | 2.000.000.028 |
| Lỗ trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | (12.237.569.609) | (12.237.569.609) |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | - | (11.594.515.705) | (11.594.515.705) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | (643.053.904) | (643.053.904) |
| Số dư cuối năm trước | 115.000.000.000 | 41.545.455 | - | 10.899.319.177 | - | 15.457.354.349 | 141.398.218.981 |
| Tăng vốn trong năm nay | - | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | - | 13.574.742.088 | 13.574.742.088 |
| Tăng khác | - | - | - | 1.200.000.000 | - | 762.538.353 | 1.962.538.353 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 1.200.000.000 | - | - | 1.200.000.000 |
| Giảm vốn trong năm nay | - | - | - | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | (17.150.775.153) | (17.150.775.153) |
| Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | - | - | - | (16.219.892.902) | (16.219.892.902) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | (930.882.251) | - |
| Số dư cuối năm | 115.000.000.000 | 41.545.455 | - | 12.099.319.177 | - | 12.643.859.637 | 139.784.724.269 |

(*) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 06 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

| b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | Tỷ lệ vốn góp | Cuối năm | Đầu năm |
|---|----------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Nhà nước | | | |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 100% | 115.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| Cộng | | 115.000.000.000 | 115.000.000.000 |

| c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu năm | 115.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | | |
| - Vốn góp giảm trong năm | | |
| - Vốn góp cuối năm | 115.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 16.219.892.902 | 11.594.515.705 |

| d) Cổ phiếu | Cuối năm | Đầu năm |
|--|-----------------|----------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 11.500.000 | 11.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.500.000 | 11.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.500.000 | 11.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.500.000 | 11.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.500.000 | 11.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 đồng | 10.000 đồng |

| e) Các quỹ của doanh nghiệp | Cuối năm | Đầu năm |
|------------------------------------|-----------------|----------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 12.099.319.177 | 10.899.319.177 |

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.21 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

| 6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| a) Doanh thu | 154.220.192.418 | 171.157.012.380 |
| - Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn | 137.521.469.072 | 151.222.959.384 |
| - Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh bột bả | 9.961.611.192 | 10.348.152.968 |
| - Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm | 6.737.112.154 | 9.585.900.028 |
| b) Doanh thu đối với các bên liên quan | 2.591.229.150 | 1.972.564.752 |
| - Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | 2.591.229.150 | 1.972.564.752 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------|--------------------|----------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 111.645.395 | 6.928.092.648 |
| Cộng | 111.645.395 | 6.928.092.648 |

6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng đã bán | 95.968.261.470 | 97.790.313.122 |
| - Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn | 85.576.966.899 | 86.319.793.765 |
| - Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh bột bả | 6.198.919.172 | 5.880.013.322 |
| - Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm | 4.192.375.399 | 5.590.506.035 |
| Cộng | 95.968.261.470 | 97.790.313.122 |

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|-------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, cho vay | 19.428.918 | 146.105.316 |
| Cộng | 19.428.918 | 146.105.316 |

6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | 2.025.281.935 | 2.162.273.929 |
| Chi phí tài chính khác | 506.250 | |
| Cộng | 2.025.788.185 | 2.162.273.929 |

6.6 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| - Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 60.909.090 | 27.272.727 |
| - Thu nhập khác | 434.934.424 | 602.998.991 |
| Cộng | 495.843.514 | 630.271.718 |

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------|----------|------------------|
| - Các khoản khác | - | 9.297.364 |
| Cộng | - | 9.297.364 |

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | 9.668.881.230 | 10.618.853.961 |
| Chi phí nhân viên | 4.563.433.639 | 8.577.572.380 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.252.216.455 | 1.555.324.121 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 3.853.231.136 | 485.957.460 |
| b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm | 29.950.380.146 | 34.401.685.619 |
| Chi phí nhân viên | 10.096.666.856 | 8.709.891.774 |
| Chi phí quảng cáo | 9.178.456.066 | 8.170.777.631 |
| Chi phí bán hàng khác | 10.675.257.224 | 17.521.016.214 |

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 71.745.501.551 | 74.551.764.168 |
| Chi phí nhân công | 20.127.148.609 | 10.119.184.599 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.621.114.348 | 6.312.551.322 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 24.241.970.675 | 34.847.521.810 |
| Chi phí bằng tiền khác | 3.359.111.660 | 3.500.872.813 |
| Cộng | 124.094.846.843 | 129.331.894.712 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 17.010.508.424 | 20.022.872.771 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế | 168.323.257 | 2.640.638.012 |
| + Chi phí không được trừ | 168.323.257 | 2.640.638.012 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 17.178.831.681 | 22.663.510.783 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Thuế TNDN hiện hành | 3.435.766.336 | 4.532.702.157 |

6.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|----------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty | 13.574.742.088 | 15.490.170.614 |
| Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu | - | - |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 11.500.000 | 11.500.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.180 | 1.347 |

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo này, việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được thông qua Đại hội cổ đông.

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------|------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 11.500.000 | 11.500.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm | 11.500.000 | 11.500.000 |

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

| CHỈ TIÊU | Sản xuất và kinh doanh sơn | Sản xuất và kinh doanh bột bả | Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm | TỔNG CỘNG |
|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|-----------------|
| Doanh thu | 137.521.469.072 | 9.961.611.192 | 6.737.112.154 | 154.220.192.418 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 111.645.395 | | | 111.645.395 |
| Giá vốn hàng bán | 85.576.966.899 | 6.198.919.172 | 4.192.375.399 | 95.968.261.470 |
| Lợi nhuận gộp | 51.832.856.778 | 3.762.692.020 | 2.544.736.755 | 58.140.285.553 |
| Tổng giá trị còn lại của tài sản | | | | 226.879.116.287 |
| Nợ phải trả | | | | 87.094.392.018 |

Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)

Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn

Năm trước

| CHỈ TIÊU | Sản xuất và kinh doanh sơn | Sản xuất và kinh doanh bột bả | Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm | TỔNG CỘNG |
|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|-----------------|
| Doanh thu | 151.222.959.384 | 10.348.152.968 | 9.585.900.028 | 171.157.012.380 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 6.928.092.648 | | | 6.928.092.648 |
| Giá vốn hàng bán | 86.319.793.765 | 5.880.013.322 | 5.590.506.035 | 97.790.313.122 |
| Lợi nhuận gộp | 57.975.072.971 | 4.468.139.646 | 3.995.393.993 | 66.438.606.610 |
| Tổng giá trị còn lại của tài sản | | | | 203.693.648.541 |
| Nợ phải trả | | | | 62.295.429.560 |

Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)

Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Năm nay

| CHỈ TIÊU | Miền Bắc | Miền Trung | Miền Nam | TỔNG CỘNG |
|------------------------------|-----------------|----------------|----------|-----------------|
| Doanh thu | 137.197.625.565 | 17.022.566.853 | - | 154.220.192.418 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | 111.645.395 | - | 111.645.395 |
| Giá vốn hàng bán | 84.165.639.629 | 11.802.621.841 | - | 95.968.261.470 |
| Lợi nhuận gộp | 53.031.985.936 | 5.108.299.617 | - | 58.140.285.553 |

Năm trước

| CHỈ TIÊU | Miền Bắc | Miền Trung | Miền Nam | TỔNG CỘNG |
|------------------------------|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| Doanh thu | 134.723.876.594 | 13.206.506.768 | 23.226.629.018 | 171.157.012.380 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 6.874.593.109 | 53.499.539 | - | 6.928.092.648 |
| Giá vốn hàng bán | 71.401.027.593 | 11.828.057.876 | 14.561.227.653 | 97.790.313.122 |
| Lợi nhuận gộp | 56.448.255.892 | 1.324.949.353 | 8.665.401.365 | 66.438.606.610 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm 2017, công ty đã rút toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Gold Star Việt Nam và thu hồi khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long.

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**8.6 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm | Từ 1 năm trở lên | Tổng cộng |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Ngày 31/12/2017 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 70.301.263.112 | | 70.301.263.112 |
| Phải thu khách hàng | 24.095.783.247 | - | 24.095.783.247 |
| Đầu tư | - | 45.000.000.000 | 45.000.000.000 |
| Phải thu khác | 18.020.515.535 | 163.200.000 | 18.183.715.535 |
| Trừ: | (828.586.001) | - | (828.586.001) |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (828.586.001) | - | (828.586.001) |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | - | - | - |
| Tổng cộng | 111.588.975.893 | 45.163.200.000 | 156.752.175.893 |
| Ngày 31/12/2017 | | | |
| Các khoản vay và nợ | 34.858.128.416 | 1.106.380.000 | 35.964.508.416 |
| Phải trả người bán | 20.861.177.637 | | 20.861.177.637 |
| Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả | 19.116.396.744 | 220.430.120 | 19.336.826.864 |
| Tổng cộng | 74.835.702.797 | 1.326.810.120 | 76.162.512.917 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 36.753.273.096 | 43.836.389.880 | 80.589.662.976 |
| | Dưới 1 năm | Từ 1 năm trở lên | Tổng cộng |
| Ngày 01/01/2017 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.688.079.823 | | 57.688.079.823 |
| Phải thu khách hàng | 19.081.242.736 | - | 19.081.242.736 |
| Đầu tư | - | 52.300.000.000 | 52.300.000.000 |
| Phải thu khác | 8.782.265.569 | 10.068.200.000 | 18.850.465.569 |
| Trừ: | (591.847.144) | - | (591.847.144) |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (591.847.144) | - | (591.847.144) |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | - | - | - |
| Tổng cộng | 84.959.740.984 | 62.368.200.000 | 147.327.940.984 |
| Ngày 01/01/2017 | | | |
| Các khoản vay và nợ | 27.049.518.923 | 1.263.015.560 | 28.312.534.483 |
| Phải trả người bán | 21.800.087.255 | - | 21.800.087.255 |
| Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả | 1.518.515.564 | 117.350.000 | 1.635.865.564 |
| Tổng cộng | 50.368.121.742 | 1.380.365.560 | 51.748.487.302 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 34.591.619.242 | 60.987.834.440 | 95.579.453.682 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Đơn vị tính: VND

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2017 | 01/01/2017 | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | | |
| Các khoản phải thu về cho vay | 2.583.720.887 | 2.608.157.887 | 2.583.720.887 | 2.608.157.887 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 41.450.912.781 | 37.339.861.161 | 41.450.912.781 | 37.339.861.161 |
| Tài sản tài chính khác | | | | |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 45.000.000.000 | 52.300.000.000 | (*) | (*) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 70.301.263.112 | 57.688.079.823 | 70.301.263.112 | 57.688.079.823 |
| Tổng cộng | 159.335.896.780 | 149.936.098.871 | (*) | (*) |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 35.964.508.416 | 28.312.534.483 | 35.964.508.416 | 28.312.534.483 |
| Phải trả người bán | 20.861.177.637 | 21.800.087.255 | 20.861.177.637 | 21.800.087.255 |
| Phải trả khác | 18.836.826.864 | 1.145.865.564 | 18.836.826.864 | 18.836.826.864 |
| Tổng cộng | 75.662.512.917 | 51.258.487.302 | 75.662.512.917 | 68.949.448.602 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

8.7 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

| Tên gọi | Địa điểm | Mối quan hệ |
|---|--|--------------------|
| Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | Lô J7 đường số 5, KCN Hải Sơn, Hoài Hạ, Đức Hòa, Long An | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long | | Hợp tác kinh doanh |
| Công ty Cổ phần Gold Star Việt Nam | | Đầu tư góp vốn |

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh giao dịch với các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

| Bên liên quan | Giao dịch | Đơn vị tính: VND Giá trị |
|---|--------------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long | Thu hồi vốn hợp tác kinh doanh | 10.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Gold Star Việt Nam | Thu hồi vốn góp | 9.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | Bán hàng hóa | 2.850.352.065 |
| | Thu tiền bán hàng hóa | 2.903.000.000 |
| | Mua hàng hóa | 209.514.966 |
| | Trả tiền mua hàng hóa | 150.000.000 |
| | Chi hộ | 3.553.478.000 |
| | Thu tiền chi hộ | 2.628.478.000 |
| | Thu hộ | 3.900.000.000 |

b) Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Năm nay VND |
|----------------------|----------------------------|----------------------|
| Ông Mai Anh Tám | Chủ tịch HĐQT | - |
| Ông Nguyễn Văn Sơn | Thành viên - Tổng Giám đốc | 482.498.970 |
| Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên HĐQT | 140.598.929 |
| Ông Đỗ Trần Mai | Thành viên HĐQT | 140.598.929 |
| Bà An Hà My | Thành viên HĐQT | 140.598.929 |
| Bà Bùi Thị Thanh Nam | Trưởng Ban kiểm soát | 96.000.000 |
| Ông Hoàng Trung Kiên | Thành viên Ban kiểm soát | 30.000.000 |
| Bà Lê Thị Thoa | Thành viên Ban kiểm soát | 30.000.000 |
| Ông Trần Tuấn Kinh | Phó Tổng giám đốc | 382.042.974 |
| Tổng cộng | | 1.442.338.731 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

8.8 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.10 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn